ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 119/TB-UBND	*Châu Đốc, ngày 14 tháng 07 năm 2017*

THÔNG BÁO LỰA CHỌN TỔ CHỨC BÁN ĐẤU GIÁ

Kính gửi: Các tổ chức bán đấu giá.

Đơn vị thông báo: Ủy ban nhân dân thành phố Châu Đốc - tỉnh An Giang.

Nội dung: Mời tham gia lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản thuộc sở hữu nhà nước. Cụ thể:

- Tên tài sản: Các lô nền tại khu quy hoạch dân cư của khu đất Bệnh viện Đa khoa khu vực tỉnh (điểm cũ), thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Giá khởi điểm: Chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Thời gian nhận hồ sơ trực tiếp từ 8 giờ 00 phút ngày 17/07/2017 đến 17 giờ 00 phút ngày 20/07/2017 (hồ sơ gửi trực tiếp).

Địa điểm nộp hồ sơ tại: Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Châu Đốc, lầu 2, khu đô thị thành phố lễ hội, khóm Mỹ Thành, phường Vĩnh Mỹ, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

(Người đến nộp phải mang theo Giấy giới thiệu và Chứng minh nhân dân. Không hoàn trả hồ sơ đối với các hồ sơ không được lựa chọn)

Yêu cầu đối với hồ sơ của Tổ chức bán đấu giá bao gồm:

1/ Tổ chức bán đấu giá có trụ sở đặt tại thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

2/ Hồ sơ pháp lý doanh nghiệp (Bản sao chứng thực đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định thành lập).

3/ Bản mô tả uy tín, năng lực, kinh nghiệm.

- Số lượng đấu giá viên: Tối thiểu 01 hồ sơ của đấu giá viên có đầy đủ Bản sao chứng thực Chứng chỉ hành nghề đấu giá, Thẻ đấu giá viên.

- Tối thiểu 01 hợp đồng bán đấu giá thành (bản có chứng thực Hợp đồng và Biên bản thanh lý hợp đồng bán đấu giá).

4/ Bản cam kết về tiến độ tổ chức bán đấu giá, thực hiện theo đúng các yêu cầu của Tổ công tác bán đấu giá tài sản thuộc sở hữu nhà nước thành phố Châu Đốc.

5/ Quy chế bán đấu giá./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- TT.UBND/TP;
- CVP; PCVP (đ/c Loan, Vũ);
- Thành viên TCTBĐG/TP;
- CV Thành;
- Lưu VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Trung Thành

Bảng tiêu chí đánh giá Tổ chức bán đấu giá

(Kèm theo Thông báo lựa chọn tổ chức bán đấu giá)

Nhóm tiêu chí bắt buộc:

Các tiêu chí bắt buộc sẽ đánh giá : Đạt/Không đạt. Nếu có từ 01 tiêu chí bắt buộc trở lên Không đạt thì tổ chức bán đấu giá sẽ bị loại.

STT	Tiêu chí bắt buộc	Yêu cầu	Đánh giá
1	Hồ sơ pháp lý doanh nghiệp	Có ngành nghề đầy đủ theo yêu cầu.	Đạt/ Không đạt
2	Số lượng đấu giá viên	Có tối thiểu 1 đấu giá viên	Đạt/ Không đạt
3	Thời gian hoạt động (kinh nghiệm)	Có từ 01 năm kinh nghiệm trở lên (tính theo ngày/tháng của năm)	Đạt/ Không đạt
4	Cam kết tiến độ, phương án đấu giá	Phù hợp theo yêu cầu của Tổ công tác bán đấu giá tài sản	Đạt/ Không đạt
5	Địa điểm	Có Trụ sở hoặc Chi nhánh tại thành phố Châu Đốc, An Giang.	Đạt/ Không đạt
6	Năng lực, kinh nghiệm	Có bản mô tả năng lực kinh nghiệm	Đạt/ Không đạt
7	Số lượng hợp đồng đã bán đấu giá thành	Có từ 02 Hợp đồng bán đấu giá thành	Đạt/ Không đạt

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do -Hạnh Phúc

PHỤ LỤC

GIÁ KHỞI ĐIỂM NỀN KHU ĐẤT BỆNH VIỆN CŨ
ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG CHÂU PHÚ B, THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
(Đính kèm Thông báo số: 119/TB-UBND ngày 14/07/2017)

STT	Số thửa	Diện tích	Đơn giá vị trí 1	Hệ số	Đơn giá điều chỉnh	Thành tiền
I. GIÁP ĐƯỜNG LÊ LỢI (VỊ TRÍ 1)						
Lô A1	1	405,5	33.922.000	1,2	40.706.400	16.506.445.200
	2	378,5	33.922.000	1	33.922.000	12.839.477.000
TỔNG		**784**				**29.345.922.200**
II. GIÁP ĐƯỜNG LÊ LỢI (ÁP GIÁ VỊ TRÍ 2 LÊ LỢI)						
Lô A1	3	88	33.922.000	0,6	20.353.200	1.791.081.600
	4	85,2	33.922.000	0,6	20.353.200	1.734.092.640
	5	82,3	33.922.000	0,6	20.353.200	1.675.068.360
	6	82,5	33.922.000	0,6	20.353.200	1.679.139.000
	7	79,6	33.922.000	0,6	20.353.200	1.620.114.720
	8	76,8	33.922.000	0,6	20.353.200	1.563.125.760
	9	74	33.922.000	0,6	20.353.200	1.506.136.800
	10	71,9	33.922.000	0,6	20.353.200	1.463.395.080
	11	70	33.922.000	0,6	20.353.200	1.424.724.000
	12	68,2	33.922.000	0,6	20.353.200	1.388.088.240
	13	66,3	33.922.000	0,6	20.353.200	1.349.417.160
TỔNG		**844,8**				**17.194.383.360**
III. GIÁP ĐƯỜNG SỐ 1 (ÁP GIÁ VỊ TRÍ 3 LÊ LỢI)						
Lô A1	14	70,1	33.922.000	0,4	13.568.800	951.172.880
	15	71,3	33.922.000	0,4	13.568.800	967.455.440
	16	73,6	33.922.000	0,4	13.568.800	998.663.680
	17	79,9	33.922.000	0,4	13.568.800	1.084.147.120
TỔNG		**294,9**				**4.001.439.120**
IV. GIÁP ĐƯỜNG PHAN ĐÌNH PHÙNG (VỊ TRÍ 1)						
Lô A2	1	123,1	14.696.000	1,2	17.635.200	2.170.893.120
	2	100	14.696.000	1	14.696.000	1.469.600.000
	3	100	14.696.000	1	14.696.000	1.469.600.000
	4	100	14.696.000	1	14.696.000	1.469.600.000
	5	100	14.696.000	1	14.696.000	1.469.600.000
	6	132,3	14.696.000	1,2	17.635.200	2.333.136.960
Lô A3	1	122	14.696.000	1,2	17.635.200	2.151.494.400
	2	110	14.696.000	1	14.696.000	1.616.560.000
	3	110	14.696.000	1	14.696.000	1.616.560.000
	4	110	14.696.000	1	14.696.000	1.616.560.000
	5	132,8	14.696.000	1,2	17.635.200	2.341.954.560
TỔNG		**1240,2**				**19.725.559.040**
V. GIÁP ĐƯỜNG NGUYỄN TRƯỜNG TỘ (VỊ TRÍ 1)						

Lô A3	6	79,8	9.949.000	1	9.949.000	793.930.200
	7	79,5	9.949.000	1	9.949.000	790.945.500
	8	81	9.949.000	1	9.949.000	805.869.000
	9	82,5	9.949.000	1	9.949.000	820.792.500
	10	84,1	9.949.000	1	9.949.000	836.710.900
TỔNG		**406,9**				**4.048.248.100**
VI. GIÁP ĐƯỜNG SỐ 2 (ÁP GIÁ VỊ TRÍ 1 CỦA ĐƯỜNG NGUYỄN TRƯỜNG TỘ)						
Lô A3	11	101,6	9.949.000	1,2	11.938.800	1.212.982.080
	12	75	9.949.000	1	9.949.000	746.175.000
	13	75	9.949.000	1	9.949.000	746.175.000
	14	75	9.949.000	1	9.949.000	746.175.000
	15	75	9.949.000	1	9.949.000	746.175.000
	16	97	9.949.000	1,2	11.938.800	1.158.063.600
Lô A2	12	82	9.949.000	1,2	11.938.800	978.981.600
	13	82,5	9.949.000	1	9.949.000	820.792.500
	14	82,5	9.949.000	1	9.949.000	820.792.500
	15	82,5	9.949.000	1	9.949.000	820.792.500
	16	82,5	9.949.000	1	9.949.000	820.792.500
	17	79,8	9.949.000	1,2	11.938.800	952.716.240
TỔNG		**990,4**				**10.570.613.520**
VII. GIÁP ĐƯỜNG SỐ 3 (ÁP GIÁ VỊ TRÍ 2 CỦA ĐƯỜNG PHAN ĐÌNH PHÙNG)						
Lô A2	7	75	14.696.000	0,6	8.817.600	661.320.000
	8	75	14.696.000	0,6	8.817.600	661.320.000
	9	75	14.696.000	0,6	8.817.600	661.320.000
	10	75	14.696.000	0,6	8.817.600	661.320.000
	11	75	14.696.000	0,6	8.817.600	661.320.000
Lô A3	17	75	14.696.000	0,6	8.817.600	661.320.000
	18	75	14.696.000	0,6	8.817.600	661.320.000
	19	75	14.696.000	0,6	8.817.600	661.320.000
	20	75	14.696.000	0,6	8.817.600	661.320.000
	21	76,3	14.696.000	0,6	8.817.600	672.782.880
TỔNG		**751,3**				**6.624.662.880**
VIII. GIÁP ĐƯỜNG SỐ 1 (ÁP GIÁ VỊ TRÍ 2 CỦA ĐƯỜNG PHAN ĐÌNH PHÙNG)						
Lô A2	18	84	14.696.000	0,6	8.817.600	740.678.400
	19	83,8	14.696.000	0,6	8.817.600	738.914.880
	20	83,7	14.696.000	0,6	8.817.600	738.033.120
	21	83,5	14.696.000	0,6	8.817.600	736.269.600
	22	83,5	14.696.000	0,6	8.817.600	736.269.600
TỔNG		**418,5**				**3.690.165.600**
Tổng cộng						**95.200.993.820**